

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân

hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 04/TTr-STC ngày 14 tháng 01 năm 2026, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 313/BC-STP ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

a) Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại số thứ tự 44 tại Phụ lục Quyết định quy phạm pháp luật còn hiệu lực thi hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về áp dụng các quyết định quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

c) Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện: Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Kho bạc Nhà nước Khu vực XV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi; Thủ trưởng các Hội đoàn thể, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- NHCSXH Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND các xã, phường, đặc khu Lý Sơn;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.PTNT. *Thao*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua
Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND
Ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) các cấp để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương bố trí hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương, do cơ quan tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định ủy thác qua NHCSXH các cấp để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách ủy thác, được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

3. Nguồn Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH các cấp theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Quy chế này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Ký hợp đồng ủy thác

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh (*đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh*); Chi nhánh NHCSXH tỉnh phối hợp với Sở Tài chính lập và ký hợp đồng ủy thác theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho Phòng kinh tế hoặc Phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị (*gọi chung là Phòng Kinh tế*) ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH (*đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã*); Phòng giao dịch NHCSXH phối hợp với Phòng kinh tế lập và ký hợp đồng ủy thác theo quy định.

Điều 4. Lập, phân bổ dự toán và quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác hàng năm

1. Lập dự toán

Căn cứ mục tiêu về giảm nghèo, tạo việc làm, các chương trình, Đề án cho vay các đối tượng chính sách được cấp thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Hàng năm, vào cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước theo quy định, NHCSXH các cấp đánh giá tình hình thực hiện cho vay 06 tháng đầu năm, dự kiến cả năm từ nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương, trên cơ sở đó xác định nhu cầu nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương năm sau (*chi tiết theo từng chương trình, đối tượng cho vay*) gửi Sở Tài chính, Phòng Kinh tế trước ngày 15/7 hàng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí nguồn ngân sách ủy thác qua NHCSXH các cấp theo khả năng cân đối của từng cấp ngân sách.

2. Phân bổ chỉ tiêu cho vay

a) Đối với nguồn vốn ủy thác từ ngân sách tỉnh, Chi nhánh NHCSXH tỉnh trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh phân bổ chỉ tiêu cho vay đến các xã, phường, đặc khu theo quy định. Căn cứ chỉ tiêu cho vay được giao nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân bổ chỉ tiêu đến các thôn, tổ dân phố để cho vay theo quy định.

b) Đối với nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách cấp xã, Phòng giao dịch NHCSXH tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân bổ chỉ tiêu đến các thôn, tổ dân phố để cho vay theo quy định.

3. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay

Các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ; các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng quản trị NHCSXH tại từng thời kỳ.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay; quy trình, thủ tục cho vay, thu nợ, thu lãi tiền vay, bảo đảm tiền vay; gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

3. Quy trình, thủ tục cho vay, thu nợ, thu lãi tiền vay, bảo đảm tiền vay, gia hạn nợ, thời gian gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 8. Hạch toán, theo dõi cho vay

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương và dư nợ cho vay từ nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương qua NHCSXH các cấp được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo quy định và hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

NHCSXH các cấp nhận ủy thác có trách nhiệm quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH nhận ủy thác và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

1. Trích lập rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (*không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh*);

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH nhận ủy thác theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý 0,45%/tháng. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH các cấp theo quy định, ngân sách các cấp cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nhận ủy thác theo khả năng cân đối ngân sách các cấp;

3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, Ban đại diện

Hội đồng quản trị NHCSXH cấp xã, các sở, ngành, phòng ban, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được và tỷ lệ được hưởng của của các cơ quan, đơn vị, như sau:

a) Đối với nguồn vốn nhận ủy thác ngân sách tỉnh:

- Ban Đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh 80%.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 4%.

- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo, Nội vụ và Tài chính, mỗi Sở 4%.

Căn cứ mức phí quản lý được trích, Ban đại diện HĐQT tỉnh, các đơn vị liên quan quyết định việc sử dụng nguồn kinh phí được trích theo quy định.

b) Đối với nguồn vốn nhận ủy thác ngân sách cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

4. Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH; Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH thực hiện theo quy định hiện hành của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro:

a) Xử lý nợ bị rủi ro thuộc phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với nguồn vốn cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã.

b) Xử lý nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác từng cấp.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro, cơ quan tài chính các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và NHCSXH nhận ủy thác báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp bổ sung để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH các cấp.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dự Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, NHCSXH các cấp có trách nhiệm bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo

Định kỳ 6 tháng (*trước ngày 15 tháng 7*), hàng năm (*trước ngày 15 tháng 01 năm sau*) hoặc theo yêu cầu đột xuất, NHCSXH các cấp báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân cùng cấp (*Sở Tài chính, Phòng Kinh tế*).

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân

1. Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Căn cứ quyết định bổ sung nguồn vốn ủy thác hàng năm, nhu cầu vay vốn của đối tượng thụ hưởng, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh quyết định chương trình cho vay và giao kế hoạch tín dụng đến xã, phường, đặc khu để Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các Phòng giao dịch NHCSXH trực thuộc thực hiện.

b) Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu vay vốn của từng chương trình tín dụng, kịp thời điều chỉnh chỉ tiêu giữa các chương trình tín dụng hoặc giữa các xã, phường, đặc khu nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của từng đối tượng, phát huy hiệu quả nguồn vốn ủy thác, không để tồn đọng, lãng phí vốn.

2. Sở Tài chính, Phòng Kinh tế cấp xã

a) Trên cơ sở báo cáo đề xuất của NHCSXH các cấp hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí nguồn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH các cấp để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn. Căn cứ dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định, tham mưu Ủy ban nhân dân quyết định bổ sung nguồn vốn ngân sách ủy thác qua NHCSXH các cấp.

b) Căn cứ Quyết định bổ sung của Ủy ban nhân dân, Cơ quan tài chính các cấp ký Hợp đồng ủy thác/Phụ lục hợp đồng ủy thác với NHCSXH nhận ủy thác bổ sung nguồn vốn; chuyển nguồn ngân sách địa phương ủy thác sang NHCSXH các cấp theo quy định.

c) Hàng năm kiểm tra việc sử dụng tiền lãi cho vay theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này trên cơ sở báo cáo của NHCSXH các cấp.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định trên cơ sở đề nghị của NHCSXH các cấp.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới với các chương trình, dự án sản xuất - kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu, chuyển đổi công nghệ gắn với hoạt động tín dụng chính sách.

b) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh tham mưu cấp thẩm quyền về cơ chế, chính sách cụ thể về tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh liên quan các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới.

c) Chủ trì rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình khu vực nông thôn có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn hoặc không đủ điều kiện vay vốn hàng năm, cung cấp cho NHCSXH các cấp để làm cơ sở thực hiện tín dụng chính sách đúng đối tượng.

d) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các đơn vị liên quan kiểm tra nguồn ngân sách tỉnh ủy thác để cho vay thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới.

e) Phối hợp thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro đối với nguồn vốn ủy thác ngân sách tỉnh.

4. Sở Nội vụ

a) Phối hợp thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro đối với nguồn vốn ủy thác ngân sách tỉnh.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả cho vay tạo việc làm cho người lao động trong và ngoài nước trên địa bàn theo định kỳ 6 tháng và hàng năm, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Phối hợp thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro đối với nguồn vốn ủy thác ngân sách tỉnh.

b) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các đơn vị liên quan kiểm tra nguồn ngân sách tỉnh ủy thác để cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc

a) Ký hợp đồng ủy thác/Phụ lục hợp đồng ủy thác với Sở Tài chính, Phòng Kinh tế; tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn nhận ủy thác.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định; lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro gửi Cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Chủ trì phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch nguồn vốn ủy thác ngân sách địa

phương hàng năm gửi cơ quan tài chính các cấp để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Thực hiện cho vay đúng quy trình nghiệp vụ, cho vay đúng đối tượng, vốn vay sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác đúng quy định.

đ) Chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng tiền lãi vay theo đúng quy định tại Điều 9 Quy chế này.

e) Hằng năm, trước ngày 15/02 báo cáo việc sử dụng tiền lãi cho vay theo quy định tại Điều 9 Quy chế này gửi Cơ quan tài chính các cấp.

7. Các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng đối với nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương.

8. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

a) Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí nguồn vốn từ ngân sách cấp xã ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

b) Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân bổ chỉ tiêu đến các thôn, tổ dân phố để cho vay theo quy định.

c) Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị thực hiện chương trình và phối hợp NHCSXH nơi cho vay thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để nhân dân biết rõ Quy chế này.

d) Phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, NHCSXH nơi cho vay xây dựng kế hoạch tín dụng bằng nguồn ngân sách địa phương hàng năm và từng giai đoạn để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

đ) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

e) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

g) Phối hợp với NHCSXH nơi cho vay xử lý các trường hợp nợ quá hạn, nợ khó đòi; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan.

h) Tổng hợp, đánh giá kết quả cho vay, thu hồi nợ và xử lý nợ rủi ro trên địa bàn quản lý, gửi báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm (qua chi nhánh NHCSXH tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

9. Trách nhiệm của người vay

- a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.
- b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.
- c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.
- d) Chấp hành các quy định của NHCSXH khi tham gia vay vốn.

Điều 13. Xử lý vi phạm

Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân phản ánh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH tỉnh*) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.